| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ P**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
"*V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Thanh Quảng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Ngô Xuân Dệt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 636/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê T H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn 8, xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ D N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 8, xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai . Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chịLê T H trình bày:*

Chị và anh Võ D N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 27-4-2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, từ đó dẫn đến

tranh cãi, bất hòa, mất hạnh phúc. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị với anh N đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì với nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ D N.

Về con chung: Chị và anh Võ D N có một con chung là Võ L T A, sinh ngày 21-01-2016. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng con chung, nên chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được tiếp tục nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán nợ chung: Chị Lê T H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh Võ D N*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, anh Võ D N tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử, vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chị H với anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị H với anh N phát sinh mâu thuẫn, nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H để quyết định cho chị H được ly hôn với anh N. Chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con và giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*:

Chị Lê T H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Võ D N. Đơn khởi kiện của chị H được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Chị H và anh N đều cư trú tại thành phố P, nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm

quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bị đơn vắng mặt:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập anh Võ D N đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ D N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Lê T H và anh Võ D N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 27-4-2015 nên hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H, trong thời gian chung sống giữa chị với anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi, dẫn đến mất hạnh phúc. Từ tháng 6-2016 đến nay chị với anh Võ D N sống ly thân, không quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N tại nơi cư trú thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng nhưng chị H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H với anh N đã thực sự trầm trọng, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, quyết định cho chị được ly hôn với anh N.

[4] *Về con chung*:

Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh N có một con chung là Võ L T A, sinh ngày 21-01-2016. Hiện nay cháu Thiên An đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và có khả năng tự lập được.

[5] *Về việc cấp dưỡng nuôi con chung*:

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[7] *Về án phí*: Chị Lê T H là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê T H về yêu cầu ly hôn.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê T H được ly hôn anh Võ D N.

**2.** Về nuôi con chung: Giao con chung là Võ L T A, sinh ngày 21-01-2016 cho chị Lê T H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

**3.** Về án phí: Chị Lê T H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số thu số 0003660 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chị Lê T H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Anh Võ D N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã An P, thành phố P, Tỉnh Gia Lai (ĐKKH ngày 27-4-2015);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Ngô Thanh Quảng**